

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUYỀN MỘC
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2017/HS-ST.

Ngày: 20/6/2017.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUYỀN MỘC, TỈNH BÀ RỊA- VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bành Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Văn Phú Hiên

2. Bà Đoàn Thị Mến

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hoàn - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Trí D - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 29/2017/HSST ngày 28 tháng 4 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Phan Văn H, sinh năm: 1976 tại TTH; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Tổ 3, ấp 4B, xã HH, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu; nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ học vấn: Lớp 5/12; con ông Đỗ Văn Đ, sinh năm: 1941 (đã chết) và bà Lê Thị H, sinh năm: 1941; có vợ là Phan Thị Ngọc D, sinh năm: 1977; có 02 con, lớn nhất sinh năm 1998 (đã chết), nhỏ nhất sinh năm 2005; tiền án; tiền sự: Không; áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, (có mặt).

2. Nguyễn Ngọc D, sinh năm: 1972 tại TTH; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Tổ 3, ấp 4B, xã HH, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu; nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ học vấn: Lớp 6/12; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1946 và bà Lê Thị N, sinh năm: 1948; có vợ là Nguyễn Thị M, sinh năm:

1977; có 02 con, lớn nhất sinh năm 1997, nhỏ nhất sinh năm 2003; tiền án; tiền sự: Không; áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, (có mặt).

3. Nguyễn Ngọc T S, sinh năm: 1978 tại TTH; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Tổ 3, ấp 4B, xã HH, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu; nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ học vấn: Lớp 9/12; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1946 và bà Lê Thị N, sinh năm: 1948; có vợ là Phan Thị T, sinh năm: 1981, có 02 con, lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2011; tiền án; tiền sự: Không; áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, (có mặt).

Nguyên đơn dân sự: Công ty cổ phần cao su HB.

Địa chỉ: Ấp 7, xã HB, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Đại diện theo pháp luật: Ông Võ B. Chức vụ: Tổng giám đốc Công ty cổ phần cao su HB

Đại diện theo ủy quyền: Bà Võ Thị T. Chức vụ: Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần cao su HB (Theo giấy ủy quyền ngày 314A/GUQ-CSHB ngày 16 tháng 6 năm 2017) (Có mặt)

Người làm chứng:

1. Ông Đinh Công L, sinh năm: 1965 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp 1, xã HH, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu

2. Ông Lê T, sinh năm: 1975 (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ 7, ấp 2B, xã Bàu Lâm, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu

3. Ông Nguyễn Quốc T, sinh năm: 1983 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp 6, xã HB, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 01/10/2016 Phan Văn H, Nguyễn Ngọc D và Nguyễn Ngọc TS cùng thả bò trên lô cao su 356 thuộc Đội sản xuất số 4 của Công ty cổ phần cao su HB

nhưng bị bảo vệ công ty là anh Lê T và anh Nguyễn Quốc T đuổi ra không cho thả vì sợ bò làm hư hỏng cây cao su mới được công ty cổ phần cao su HB trồng khoảng 03 năm. Hai bên xảy ra xích mích, cự cãi qua lại với nhau và Phan Văn H có nói những lời nói đe dọa, thách thức bảo vệ công ty. Sau đó hai bên ra về và không xảy ra sự việc gì. Đến khoảng 18 giờ ngày 04/10/2016 trong lúc ngồi nhậu tại nhà Nguyễn Ngọc TS, do bức tức với bảo vệ Công ty cổ phần cao su HB không cho thả bò nên Phan Văn H rủ Nguyễn Ngọc D và Nguyễn Ngọc TS cùng đi chặt phá cây cao su của Công ty cổ phần cao su HB. Sau đó, H chạy xe mô tô của mình biển số 53R1-5957 về nhà lấy 01 dao phay dài 44cm, bản rộng 5cm và 01 con dao rựa dài 63cm, bản rộng 7cm và rủ S lấy thêm một con dao nữa nhưng S không lấy, H nói nếu S không lấy dao thì điều khiển xe máy chở H và D đi chặt phá cao su, S sợ nếu không cùng tham gia thì sẽ bị H đánh giá là hèn nhát nên đã đồng ý chở H và D đi chặt phá cao su. S chở H và D vào lô cao su 356 và 357 mới trồng được 03 năm của Công ty cổ phần cao su HB và dừng xe để H và D xuống chặt phá cao su, H cầm dao phay chặt phá ở lô 356 khoảng 50 cây, D cầm dao rựa chặt phá ở lô 357 khoảng 50 cây, còn S thì đứng cuối lô cao su 336 chờ H và D chặt xong để chở về. Thấy có ánh đèn xe đi đến sợ bị phát hiện nên S chở H và D mang theo 02 con dao vứt bỏ vào bụi cỏ bên đường rồi bỏ trốn về hướng Đội 1 xã HB.

Đến tối ngày 04/10/2016 trong quá trình tuần tra, bảo vệ Công ty cổ phần cao su HB phát hiện tại lô cao su 356 và 357 một số cây cao su bị chặt ngã và trình báo sự việc đến Công an xã HH, huyện Xuyên Mộc. Qua sàng lọc các đối tượng, cơ quan công an đã mời H, D và S lên làm việc.

Trong quá trình điều tra tại cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Xuyên Mộc và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo H, D và S đều khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên. Tổng số cao su bị thiệt hại là 102 cây trồng được 03 năm tuổi.

Nguyên đơn dân sự xác định tài sản của Công ty cổ phần cao su HB bị các bị cáo H, D và S hủy hoại là 102 cây cao su 03 năm tuổi (trồng năm 2014) thuộc lô 356, 357 Đội sản xuất số 4. Theo chiết tính, Công ty cổ phần cao su HB bị thiệt hại là 12.369.695đ (Mười hai triệu ba trăm sáu mươi chín nghìn sáu trăm chín mươi lăm đồng). Các bị cáo đã bồi thường thiệt hại xong. Tại phiên tòa nguyên đơn dân sự có ý kiến các bị cáo H, D và S đều từng là công nhân của công ty cổ phần cao su HB và các bị cáo cùng gia đình đã có nhiều đóng góp cho công ty, riêng bị cáo S từng được đề bạt vào chức vụ tổ trưởng tổ bảo vệ và từng đứng trong hàng ngũ của Đảng

nhưng do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên hiện nay bị cáo S không còn sinh hoạt Đảng và không còn là Đảng viên, do vậy Công ty cổ phần cao su HB xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của các bị cáo Phan Văn H, Nguyễn Ngọc D và Nguyễn Ngọc TS về tội Hủy hoại tài sản theo khoản 1 Điều 178 BLHS 2015.

Tại kết luận giám định số 71/C54B ngày 20 tháng 12 năm 2016 của Phân viện KH học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh (Bút lục số 63) xác định: Dấu vết chặt trên thân các đoạn cây cao su gửi giám định nêu ở Mục 2.1 (06 đoạn cây cao su bị chặt được đánh số thứ tự từ 01 đến 06 được thu giữ tại hiện trường) do 02 con dao gửi giám định nêu ở Mục 2.2 (01 con dao loại dao phay dài 44cm, bản rộng lưỡi dao 5cm và 01 con dao rựa dài 63cm, bản rộng lưỡi dao 7cm) tạo ra.

Tại kết luận định giá tài sản số 70/KL-HĐĐG ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - UBND huyện Xuyên Mộc (Bút lục 57) xác định tại thời điểm xảy ra vụ án, Hội đồng định giá thống nhất định giá 102 cây cao su 03 năm tuổi (trồng năm 2014) tổng giá trị thiệt hại tài sản của vụ án là: 13.056.000đ (Mười ba triệu không trăm năm mươi sáu nghìn đồng).

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, nguyên đơn dân sự không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh và Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - UBND huyện Xuyên Mộc nêu trên. Kiểm sát viên cũng không có ý kiến gì về các kết luận giám định, định giá trên.

Trách nhiệm dân sự: Nguyên đơn dân sự Công ty cổ phần cao su HB đã được các bị cáo bồi thường xong nên không yêu cầu gì thêm.

Vật chứng trong vụ án: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Xuyên Mộc đã thu giữ của bị cáo Phan Văn H 01 chiếc xe Dream biển số 53R1-5957, 01 con dao phay dài 44cm, bản rộng 5cm và 01 con dao rựa dài 63cm, bản rộng 7cm là phương tiện, công cụ để các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội.

Bản cáo trạng số 37/QĐ-KSĐT ngày 28/4/2017 của VKSND huyện Xuyên Mộc truy tố các bị cáo Phan Văn H, Nguyễn Ngọc D và Nguyễn Ngọc TS về tội “Hủy hoại tài sản” theo khoản 1 Điều 143 Bộ luật hình sự năm 1999. Vận dụng Nghị quyết 144/2016/QH13 ngày 29/6/2015 của Quốc Hội về việc lùi hiệu lực thi hành

của Bộ luật hình sự năm 2015 thực hiện các quy định có lợi cho người phạm tội, sau khi so sánh khung hình phạt của tội “Hủy hoại tài sản” quy định tại Điều 143 BLHS 1999 với hình phạt quy định tại Điều 178 BLHS 2015 với tội danh nêu trên thì hình phạt đối với tội “Hủy hoại tài sản” theo BLHS 2015 nhẹ hơn nên áp dụng truy tố đối với các bị cáo Phan Văn H, Nguyễn Ngọc D và Nguyễn Ngọc TS theo khoản 1 Điều 178 Bộ luật hình sự năm 2015 về tội “Hủy hoại tài sản”.

Các bị cáo bị Viện Kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc truy tố tại bản cáo trạng số 37/QĐ-KSĐT ngày 28/4/2017, cụ thể:

Truy tố Phan Văn H, Nguyễn Ngọc D và Nguyễn Ngọc TS về tội “Hủy hoại tài sản” theo khoản 1 Điều 178 Bộ luật hình sự năm 2015.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

* Áp dụng khoản 1 Điều 178 Bộ luật hình sự 2015; Điều 20, Điều 33; điểm b, h, p khoản 1 khoản 2 Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999 để xử phạt bị cáo Phan Văn H từ 05 (Năm) tháng đến 06 (Sáu) tháng tù giam.

* Áp dụng khoản 1 Điều 178 Bộ luật hình sự 2015; Điều 20, Điều 33; điểm b, h, p khoản 1 Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999 để xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc D từ 04 (Bốn) tháng đến 05 (Năm) tháng tù giam.

* Áp dụng khoản 1 Điều 178 Bộ luật hình sự 2015; Điều 20, Điều 60; điểm b, h, p khoản 1 Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999 để xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc TS từ 03 (Ba) tháng đến 04 (Bốn) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (Một) năm.

Về vật chứng vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, nguyên đơn dân sự đều đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố. Các bị cáo không tranh luận và bào chữa cho hành vi phạm tội của mình, chỉ thể hiện thái độ ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo.

Các bị cáo nói lời sau cùng đều thể hiện T độ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, các bị cáo đều là trụ cột gia đình, có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Tại phiên tòa, các bị cáo Phan Văn H, Nguyễn Ngọc D và Nguyễn Ngọc TS đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Do bức tức, tư thù cá nhân trong việc trước đó ngày 01/10/2016 các bảo vệ Công ty cổ phần cao su HB là anh Lê T và anh Nguyễn Quốc T không cho các bị cáo chặn thả bò trồng lô cao su nên bị cáo Phan Văn H đã rủ rê Nguyễn Ngọc D và Nguyễn Ngọc TS đi chặt phá cây cao su của công ty cổ phần cao su HB để trả thù. Đến ngày 04/10/2016, sau khi nhập tại nhà bị cáo S xong, Phan Văn H đã điều khiển xe Dream 53R1-5957 về nhà lấy 01 dao phay dài 44cm, bản rộng 5cm và 01 con dao rựa dài 63cm, bản rộng 7cm và rủ S lấy thêm một con dao nữa nhưng S không lấy, H nói nếu S không lấy dao thì điều khiển xe máy chở H và D đi chặt phá cao su, S can ngăn H nhưng sợ H đánh giá mình hèn nhát nên đã đồng ý điều khiển xe chở H và D đi chặt cao su. Sau đó S chở H và D vào lô cao su 356 và 357 mới trồng được 03 năm của Công ty cổ phần cao su HB và dùng xe để H và D xuống chặt phá cao su, sau đó S điều khiển xe đến cuối lô 336 để chờ H và D chặt xong để chở về. Bị cáo H cầm dao phay chặt phá ở lô 356 là 51 cây cao su, bị cáo D cầm dao rựa chặt phá ở lô 357 là 51 cây cao su. Sau khi chặt phá cao su ở mỗi lô, các bị cáo thấy có ánh đèn xe đi đến sợ bị phát hiện nên bị cáo S đã chở bị cáo H và bị cáo D mang theo 02 con dao vứt bỏ vào bụi cỏ bên đường rồi bỏ trốn về hướng Đội 1 HB. Tổng giá trị 102 cây cao su 03 năm tuổi (trồng năm 2014) bị thiệt hại là: 13.056.000đ (Mười ba triệu không trăm năm mươi sáu nghìn đồng).

Do đó, có đủ cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo Phan Văn H, Nguyễn Ngọc D và Nguyễn Ngọc TS phạm tội “Hủy hoại tài sản” theo khoản 1 Điều 178 Bộ luật Hình sự năm 2015 như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi dùng dao chặt cây cao su của các bị cáo H, D và S đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật B vệ. Các cây cao su bị hủy hoại đều mất giá trị sử dụng, không thể khôi phục lại được, không còn giá trị

sử dụng. Chỉ do bức tức, tư thù cá nhân trong việc các B vệ Công ty cổ phần cao su HB không cho các bị cáo chặn thả bò trông lô cao su mà các bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội để làm hư hỏng gây thiệt hại về tài sản của người khác. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, làm ảnh hưởng đến trật tự trị an tại địa phương.

Khi tham gia thực hiện hành vi phạm tội, 03 bị cáo chưa có sự bàn bạc, phân công vai trò chặt chẽ nên chỉ là đồng phạm giản đơn. Trong đó, bị cáo Phan Văn H là người chủ mưu, khởi xướng, rủ rê, chuẩn bị toàn bộ công cụ phương tiện và trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo Nguyễn Ngọc D là người thực hành tích cực với bị cáo H và Nguyễn Ngọc TS là người giúp sức.

Đánh giá tính chất vụ án là ít nghiêm trọng, phạm tội bộc phát nhưng hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến trật tự công cộng, làm mất trật tự an toàn xã hội gây tâm lý lo lắng trong quần chúng nhân dân nên cần phải xử lý nghiêm.

Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với các bị cáo:

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn dân sự và hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được xem là tình tiết giảm nhẹ khi quyết định hình phạt cho các bị cáo theo quy định tại điểm b, h và p khoản 1 Điều 46 BLHS 1999. Ngoài ra các bị cáo đều có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, là trụ cột gia đình được chính quyền địa phương xác nhận và tại phiên tòa nguyên đơn dân sự xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nên được xem xét là tình tiết giảm nhẹ khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

Tuy nhiên, căn cứ vào tính chất hành vi phạm tội của các bị cáo chỉ vì mâu thuẫn, xích mích nhỏ với các B vệ Công ty cổ phần cao su HB mà các bị cáo đã có hành vi hủy hoại tài sản của người khác, gây ra thiệt hại cho Công ty cổ phần cao su HB nên cần xử lý nghiêm các bị cáo bằng hình phạt tù mới tương xứng với hành vi của các bị cáo gây ra để giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Xét tính chất, vai trò của từng bị cáo trong vụ án: Bị cáo Phan Văn H là người chủ mưu, khởi xướng, rủ rê, chuẩn bị toàn bộ công cụ, phương tiện phạm tội và trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, do vậy vai trò của bị cáo trong vụ án là tích cực nhất nên bị cáo H phải chịu mức hình phạt cao nhất; bị cáo Nguyễn Ngọc D là người bị bị cáo H rủ rê

nhưng đã cùng bị cáo H trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội nên phải chịu mức hình phạt tù nhưng thấp hơn so với bị cáo H; còn bị cáo Nguyễn Ngọc TS là người điều khiển xe máy chở bị cáo H và bị cáo D đi thực hiện hành vi phạm tội nhưng không trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội nên bị cáo S có vai trò là người giúp sức phải chịu hình phạt thấp hơn so với bị cáo H và D. Tuy nhiên xét bị cáo S có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần cách ly bị cáo S ra khỏi xã hội mà giao bị cáo S cho địa phương và gia đình quản lý, giáo dục.

Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Các bị cáo Phan Văn H, Nguyễn Ngọc D và Nguyễn Ngọc TS đã bồi thường thiệt hại cho Công ty cổ phần cao su HB số tiền 12.369.695đ (Mười hai triệu ba trăm sáu mươi chín nghìn sáu trăm chín mươi lăm đồng), còn lại số tiền chênh lệch là 686.305đ (Sáu trăm tám mươi sáu nghìn ba trăm lẻ năm đồng) nhưng Công ty cổ phần cao su HB không yêu cầu các bị cáo bồi thường thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về vật chứng:

- Cơ quan Công an thu giữ của bị cáo Phan Văn H:

+ 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu Dream gắn biển số giả 53R1-5957 không có số máy, số khung, không có giấy chứng nhận Đ ký, bị cáo H khai nhận mua của một người lạ mặt giá 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) nên không biết rõ về nguồn gốc xe. Xét, chiếc xe mô tô nhãn hiệu Dream không có số máy, số khung, không có giấy chứng nhận Đ ký, là công cụ phương tiện thực hiện hành vi phạm tội, cấm lưu hành nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước; biển số giả 53R1-5957 không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy;

+ 01 dao phay dài 44cm, bản rộng 5cm và 01 con dao rựa dài 63cm, bản rộng 7cm là công cụ hủy hoại tài sản. Xét, đây là tài sản của gia đình bị cáo Phan Văn H dùng trong công việc, sinh hoạt của gia đình, vợ bị cáo là Phan Thị Ngọc D không biết việc bị cáo dùng làm phương tiện phạm tội nên trả lại 01 dao phay dài 44cm, bản rộng 5cm và 01 con dao rựa dài 63cm, bản rộng 7cm cho bà Phan Thị Ngọc D là hợp lý;

- 06 đoạn cây cao su bị chặt được đánh số thứ tự từ 01 - 06 không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

Về án phí: Các bị cáo Phan Văn H, Nguyễn Ngọc D và Nguyễn Ngọc TS phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố các bị cáo: Phan Văn H, Nguyễn Ngọc D và Nguyễn Ngọc TS phạm tội “Hủy hoại tài sản”.

* Áp dụng Điều 20, Điều 33; điểm b, h và p khoản 1 khoản 2 Điều 46, Điều 47 BLHS 1999; khoản 1 Điều 178 Bộ luật hình sự 2015;

Nghị quyết 144/2016/QH13 ngày 29/6/2015 của Quốc Hội về việc lùi hiệu lực thi hành của Bộ luật hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo Phan Văn H 05 (Năm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt để thi hành án phạt tù.

* Áp dụng Điều 20, Điều 33; điểm b, h và p khoản 1 khoản 2 Điều 46, Điều 47 BLHS 1999; khoản 1 Điều 178 Bộ luật hình sự 2015;

Nghị quyết 144/2016/QH13 ngày 29/6/2015 của Quốc Hội về việc lùi hiệu lực thi hành của Bộ luật hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc D 04 (Bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt để thi hành án phạt tù.

* Áp dụng Điều 20, Điều 60; điểm b, h và p khoản 1 khoản 2 Điều 46, Điều 47 BLHS 1999; khoản 1 Điều 178 Bộ luật hình sự 2015;

Nghị quyết 144/2016/QH13 ngày 29/6/2015 của Quốc Hội về việc lùi hiệu lực thi hành của Bộ luật hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc TS 03 (Ba) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (Mười hai) tháng tính từ ngày 20/6/2017. Giao Nguyễn Ngọc TS cho Ủy ban nhân dân xã HH, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu để giám sát, giáo dục S trong thời gian chấp hành thử thách của án treo. Trường hợp Nguyễn Ngọc TS thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

2. *Trách nhiệm dân sự:* Xong.

3. *Về vật chứng:* Áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự 1999, Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên:

+ Tịch thu sung công quỹ Nhà nước của bị cáo Phan Văn H 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu Dream gắn biển số giả 53R1-5957 không có số máy, số khung, không có giấy chứng nhận Đ ký, không rõ về nguồn gốc xe; tịch thu tiêu hủy biển số giả 53R1-5957;

+ Trả lại 01 dao phay dài 44cm, bản rộng 5cm và 01 con dao rựa dài 63cm, bản rộng 7cm cho bà Phan Thị Ngọc D;

+ Tịch thu tiêu hủy 06 đoạn cây cao su được đánh số thứ tự từ 01 - 06.

Các tài sản trên hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuyên Mộc theo biên bản giao nhận vật chứng số 32 ngày 28 tháng 4 năm 2017.

4. *Về án phí:* Áp dụng Điều 23, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc các bị cáo Phan Văn H, Nguyễn Ngọc D và Nguyễn Ngọc TS, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. *Về quyền kháng cáo đối với Bản án:* Bị cáo, nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu xét xử phúc thẩm./.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- Sở tư pháp tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Xuyên Mộc;
- Công an huyện Xuyên Mộc;
- Chi cục THADS huyện Xuyên Mộc;
- Ủy ban nhân dân xã HH, huyện Xuyên Mộc;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Bành Thị Thu Hà.